

Vinh Phúc, ngày 8 tháng 5 năm 2025

THƯ MỜI BÁO GIÁ HOÁ CHẤT XÉT NGHIỆM

Kính gửi: Các nhà cung cấp hoá chất xét nghiệm tại Việt Nam

Bệnh viện Tâm thần tỉnh Vinh Phúc có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua sắm hoá chất xét nghiệm năm 2025 cho Bệnh viện Tâm thần tỉnh Vinh Phúc với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: **Bệnh viện Tâm thần tỉnh Vinh Phúc.**

Địa chỉ: TDP Cầu Bút, Phường Định Trung, TP. Vinh Yên, tỉnh Vinh Phúc.

Điện thoại: 02113.616.799

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Được sĩ Trần Văn Quang – Trưởng khoa Dược, Bệnh viện Tâm thần tỉnh Vinh Phúc.

Điện thoại: 0989.325.385

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

Báo giá đóng trong bao bì kín, có dấu giáp lai của nhà thầu gửi bằng hình thức chuyển phát nhanh qua bưu điện hoặc gửi trực tiếp.

Địa điểm nhận báo giá: Khoa dược Bệnh viện Tâm thần Vinh Phúc

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 17h00 ngày 08 tháng 5 năm 2025 đến trước 17h00 ngày 19 tháng 5 năm 2025.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 19 tháng 5 năm 2025.

6. Điều kiện và báo giá: giá chào hàng đã có VAT

Bệnh viện Tâm thần tỉnh Vinh Phúc căn cứ vào báo giá để lập Kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

II. Nội dung báo giá:

(Chi tiết tại phụ lục đính kèm).



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoài Nam

PHỤ LỤC: DANH MỤC HÀNG HOÁ

(Kèm theo thư mời báo giá ngày 08/5/2025 của Bệnh viện Tâm thần tỉnh Vĩnh Phúc)

Số TT	Tên thương mại	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị tính	Tổng SL	Ghi chú
1	Myt – 3D – Control N	Hóa chất kiểm chuẩn 3 mức cho máy xét nghiệm huyết học tự động hoặc bán tự động dùng nguyên lý trở kháng.	Lọ	6	
2	Mythic 18-22 Enzymatic cleaning	Hóa chất rửa đậm đặc, Sử dụng cho máy phân tích huyết học	Lít	12	
3	Mythic 18 – Cyanide Free lytic solution	hóa chất ly giải, Sử dụng cho máy phân tích huyết học	Lít	6	
4	Mythic 18 Diluent	hóa chất pha loãng, Sử dụng cho máy phân tích huyết học	Lít	80	
5	GLUCOSE	Định lượng thành phần Glucose có trong huyết thanh, huyết tương người.	ml	2,640	
6	ALT/GPT	Định lượng nồng độ ALT/GPT trong huyết thanh huyết tương để chẩn đoán các bệnh về gan trong khám cận lâm sàng	ml	2,640	
7	AST/GOT	Định lượng nồng độ AST/GOT trong huyết thanh huyết tương để chẩn đoán các bệnh về gan trong khám cận lâm sàng	ml	2,640	
8	GGT	Định lượng nồng độ GGT trong huyết thanh để chẩn đoán sự tắc nghẽn gan mật và được chú trọng trong tất cả các dạng của bệnh về gan	ml	1,550	
9	CHOLESTEROL	Là hóa chất xét nghiệm sinh hóa sử dụng để định lượng thành phần Cholesterol có trong huyết thanh, huyết tương người.	ml	1,320	
10	TRIGLYCERIDE	Là hóa chất xét nghiệm sinh hóa chạy trên phân tích sinh hóa để định lượng nồng độ TRIGLYCERIDES trong huyết thanh huyết tương; Sự xác định TRIGLYCERIDES thường dùng trong chẩn đoán và giám sát sự rối loạn chức năng mỡ để đánh giá nguy cơ bệnh xơ vữa động mạch. Nồng độ Triglycerides cao hiện diện trong nhiều bệnh như ở thận, gan, tuyến tụy	ml	1,760	

11	HDL - CHOLESTEROL	Là hóa chất sinh hóa chạy trên máy phân tích sinh hóa để định lượng nồng độ HDL CHOLESTEROL trong huyết thanh.	ml	320	
12	LDL - CHOLESTEROL	Là hóa chất sinh hóa chạy trên máy phân tích sinh hóa để định lượng nồng độ LDL CHOLESTEROL trong huyết thanh huyết tương để xác định hiện tượng xơ vữa động mạch vành	ml	320	
13	UREA	Định lượng nồng độ UREA trong huyết thanh huyết tương giúp cho quá trình chẩn đoán và điều trị bệnh về thận, tắc nghẽn ống nước tiểu, hư thận cấp tính và mãn tính	ml	2,200	
14	CREATININE	Định lượng thành phần Creatinine theo phương pháp enzyme có trong huyết thanh, huyết tương người.	ml	2,200	
15	URIC	Định lượng nồng độ URIC ACID trong huyết thanh huyết tương, sự xác định URIC ACID thường dùng trong chẩn đoán bệnh về gút, lưu trữ ni-tơ và nhằm giám sát bệnh thận	ml	1,760	
16	PROTEIN	Định lượng nồng độ TOTAL PROTEIN trong huyết thanh giúp cho quá trình chẩn đoán và điều trị bệnh gan, thận, loãng xương, sự chuyển hóa và rối loạn dinh dưỡng	ml	330	
17	BILIRUBIN Total 330	Định lượng nồng độ BILIRUBIN TOTAL trong huyết thanh huyết tương chẩn đoán bệnh liên quan huyết mật	ml	990	
18	BILIRUBIN Direct	Định lượng nồng độ BILIRUBIN Direct trong huyết thanh huyết tương chẩn đoán bệnh liên quan huyết mật	ml	990	
19	Extran MA05 (Merck 2,5L)	Dung dịch làm sạch, vệ sinh máy, chai >= 2l	Chai	9	
20	Calibration Serum Lever 3 (Cal)	Chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa lâm sàng: Calibration Serum - Mức 3	Lọ	18	
21	Hum asy control 2 (QC1 - Assayed Serum)	Dạng đông khô, thành phần dựa trên huyết thanh người, độ bền mở nắp 7 ngày ở 2-8oC hoặc 28 ngày ở -20oC.thực hiện được 70 thông số Sinh hóa.	Lọ	18	
22	Hum asy control 3 (QC3 - Assayed Serum)	Dạng đông khô, thành phần dựa trên huyết thanh người, độ bền mở nắp 7 ngày ở 2-8oC hoặc 28 ngày ở -20oC.thực hiện được 70 thông số Sinh hóa.	Lọ	18	

23	Control HDL/LDL 4x5ml	huyết thanh kiểm tra giá trị HDL/LDL	ml	10	
24	HDL/LDL Cal 2x1ml	huyết thanh chuẩn HDL/LDL	lọ	10	
25	Hoá chất máy điện giải Na,K,Cl,Ca/Li	hóa chất dùng chạy máy điện giải, thực hiện 3- 5 thông số điện giải	Hộp(800 ml)	2	
26	NA+ Electrode	điện cực Natri của máy điện giải	01 chiếc/bộ	2	
27	K+ Electrode	điện cực Kali của máy điện giải	01 chiếc/bộ	2	
28	CL- Electrode	điện cực Clo của máy điện giải	01 chiếc/bộ	2	
29	Ca++ Electrode	điện cực Canxi của máy điện giải	01 chiếc/bộ	2	
30	Ref Electrode	điện cực Natri của máy điện giải	Bộ	2	
31	Rửa điện giải	hóa chất rửa kim và đường ống của máy điện giải	Bộ	2	
32	QC (Máy điện giải)	hóa chất kiểm tra cho máy điện giải	Bộ	2	
33	Nước cất 2 lần	Trong suốt, không màu, không mùi, không vị	Bộ	180	
34	Tes ma túy 5 chân	que thử test nhanh phát hiện ma túy	Test	200	
35	Tes nhanh chuẩn đoán đường huyết	que thử test nhanh phát hiện đường huyết	Test	600	
36	TEST nước tiểu URO – Dip 10e	Dùng để xét nghiệm bán định lượng các thành phần có trong nước tiểu	Test	2,500	
37	Test HIV	que thử test nhanh phát hiện HIV	Test	100	
38	Test HbsAg	que thử test nhanh phát hiện Viêm Gan B	Test	100	
	TỔNG: 38 Khoản				

